

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch CN sản xuất nước Cẩm Thượng								
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	CT12.2.2.2: Nước bể chứa CN Cẩm Thượng, P.Thành Đông, Tp. Hải Phòng. CT12.2.3.5: Nước vòi số 125 Vũ Văn Dũng, P. Hải Dương, Tp.Hải Phòng. CT12.2.3.6: Nước vòi số 1 Nguyễn Văn Ngọc, P.Tân Hưng, Tp.Hải Phòng. CT12.2.3.7: Nước vòi số 1 ngõ 2A2 Chương Dương, P. Lê Thanh Nghị, Tp.Hải Phòng. CT12.2.3.8: Nước vòi số 16 ngõ 167 Nguyễn Thượng Mẫn, P.Thành Đông, Tp.Hải Phòng.								
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.								
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025								
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu								
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Lê Thị Mai Phương								
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025 ÷ 29/12/2025								
8. Kết quả thử nghiệm/Test result									
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result				
					CT 12.2.2.2	CT 12.2.3.5	CT 12.2.3.6	CT 12.2.3.7	CT 12.2.3.8
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	CM Clo	CM Clo	CM Clo	CM Clo	CM Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,24	7,26	7,23	7,22	7,33

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm /
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm /
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu /
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result				
					CT 12.2.2.2	CT 12.2.3.5	CT 12.2.3.6	CT 12.2.3.7	CT 12.2.3.8
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	114	114	114	114
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,55	0,5	0,5	0,5	0,5
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2017	NTU	2	0,13	0,12	0,13	0,14	0,15
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0	0,16	0,16	0,16	0,16
8	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2	14,2
9	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100	100	100
10	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,008	0,013	0,010	0,011	0,010
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02	0,02	0,02	0,01
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,9	1,9	1,9	1,7	1,6
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,004	0,003	0,005	0,004
14	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	12	13	13	13	13

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result				
					CT 12.2.2.2	CT 12.2.3.5	CT 12.2.3.6	CT 12.2.3.7	CT 12.2.3.8
15	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,05	0,05	0,04	0,04
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90	90	90
17	Coliform (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
18	Ecoli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH – Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

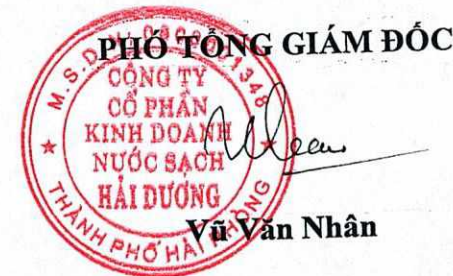
NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai Phương

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch công ty CP cấp nước Xuân Hưng							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	XH12.1: Nước bể chứa ngầm tầng hầm H1&H2 chung cư Lighthouse – KĐT Ecorivers – P. Tân Hưng XH12.2: Nước vòi hộ khách hàng tòa H1 chung cư Lighthouse – căn 0808A – H1 XH12.3: Nước vòi hộ khách hàng tòa H2 chung cư Lighthouse – căn 08A11 – H2 XH12.4: Nước vòi mạng tiêu thụ số 29 Nguyễn Phong Sắc – KĐT Ecorivers – P. Tân Hưng							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Lê Thị Mai Phương							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 29/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					XH12.1	XH12.2	XH12.3	XH12.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	KCMVL	KCMVL	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,46	7,48	7,42	7,25

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm /
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm /
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu /
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					XH12.1	XH12.2	XH12.3	XH12.4
4	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,2	0,2	0,5
5	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,15	0,14	0,16	0,13
6	Coliform (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Ecoli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai Phương

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

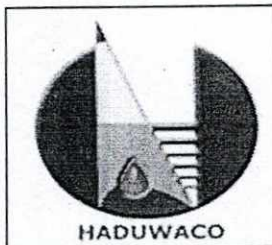
Lần ban hành: 09

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch công ty CP cấp nước Xuân Hưng					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	XH.TEC12.5: Nước TEC tòa H1-CC Lighthouse - KĐT Ecorivers XH.TEC12.6: Nước TEC tòa H2-CC Lighthouse - KĐT Ecorivers					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - Đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ Testing staff	Lê Thị Mai Phương					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 29/12/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					XH.TEC 12.5	XH.TEC 12.6
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	3
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,48	7,44
4	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,2
5	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,15	0,70

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Mai Phương

Đặng Hữu Dũng

Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI PHÒNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch KCC Tuệ Tĩnh, P. Thành Đông, Tp. Hải Phòng					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	NBC8T: Nước bể chứa tòa nhà 8 tầng NBC16T: Nước bể chứa tòa nhà 16 tầng					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	21/12/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ Testing staff	Lê Thị Mai Phương					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	21/12/2025 ÷ 26/12/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					NBC8T	NBC16T
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	—	Không có mùi, vị lạ	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	—	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,31	7,33
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	111	111
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,3	0,3
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,18	0,17
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0	0
8	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	17,04	17,04
9	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100
10	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,010	0,013
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					NBC8T	NBC16T
12	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,8
13	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,006
14	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	15	13
15	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính;
Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
KPH – Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai Phương

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

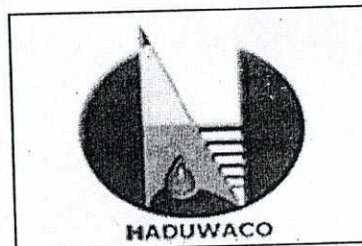
Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 1 - Trạm Việt Hòa						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VH12.2.2.2: Bể chứa VH12.2.3.1: Mẫu mạng Thôn Ngổ - Phường Việt Hòa VH12.2.3.2: Mẫu mạng Cẩm Vũ - Xã Tuệ Tĩnh						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - Đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷31/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH12.2.2.2	VH12.2.3.1	VH12.2.3.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,54	7,48	7,53

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH12.2.2.2	VH12.2.3.1	VH12.2.3.2
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	132	134	134
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,8	0,2	0,2
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,31	0,43	0,48
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,01	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH12.2.2.2	VH12.2.3.1	VH12.2.3.2
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1.	Khu công nghiệp Đại An – Mạng Chi nhánh KDNS số 1							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VH12.2.3.3: Nước vôi CÔNG TY TNHH KEFICO VIỆT NAM VH12.2.3.4: Nước vôi trước khi vào bể chứa CÔNG TY TNHH MTV MASAN HD VH12.2.3.5: Nước vôi CÔNG TY TNHH LAURELTON DIAMONDS VIỆT NAM VH12.2.3.6: Nước vôi ĐỘI DUY TU - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI AN							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷31/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH12.2.3.3	VH12.2.3.4	VH12.2.3.5	VH12.2.3.6
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH12.2.3.3	VH12.2.3.4	VH12.2.3.5	VH12.2.3.6
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,56	7,54	7,58	7,55
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	132	134	134	133
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,3	0,3	0,2	0,5
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,42	0,41	0,45	0,41
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06	0,06
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	94	94	94	94
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,02	0,02	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6	1,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH12.2.3.3	VH12.2.3.4	VH12.2.3.5	VH12.2.3.6
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7	7	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính;
Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 2- Trạm Phú Thái.						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PT12.2.2: Nước bể chứa trạm Phú Thái PT12.2.3: Nước vòi KDC Đầm Chợ, xã Phú Thái. PT12.2.4: Nước vòi thôn Phan Chi, xã Phú Thái.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/12/2025 ÷ 19/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					PT12.2.2	PT12.2.3	PT12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2	4	5
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	7,42	7,43	7,44
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	88	89	89
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,5	0,4	0,3
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,41	0,98	1,01
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					PT12.2.2	PT12.2.3	PT12.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,04	0,04	0,04
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,011	0,011	0,011
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,005	0,005
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Đào Vũ Phương Dung

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 2- Trạm Kinh Môn.																																																																									
2. Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer	KM12.2.2: Nước bể chứa trạm Kinh Môn KM12.2.3: Nước vòi hộ dân xóm Bắc, khu Ngự Uyên, phường Kinh Môn. KM12.2.4: Nước vòi hộ dân số 23 đường Tây Sơn, phường Kinh Môn.																																																																									
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.																																																																									
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/12/2025																																																																									
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.																																																																									
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An																																																																									
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/12/2025 ÷ 19/12/2025																																																																									
8. Kết quả thử nghiệm/Test result	<table> <tr> <th rowspan="2">TT No.</th><th rowspan="2">Tên chỉ tiêu Parameters</th><th rowspan="2">Phương pháp thử Test method</th><th rowspan="2">Đơn vị Unit</th><th rowspan="2">QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép</th><th colspan="3">Kết quả Result</th></tr> <tr> <th>KM12.2.2</th><th>KM12.2.3</th><th>KM12.2.4</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Màu sắc(*)</td><td>TCVN 6185:2015</td><td>Pt-Co</td><td>15</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Mùi, vị (*)</td><td>CL.HD.PP03</td><td>-</td><td>Không có mùi, vị lạ</td><td>Có mùi Clo</td><td>Có mùi Clo</td><td>Có mùi Clo</td></tr> <tr> <td>3</td><td>pH(*)</td><td>TCVN 6492:2011</td><td>-</td><td>Trong khoảng (6,0 – 8,5)</td><td>7,43</td><td>7,43</td><td>7,43</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Tổng chất rắn hòa tan (TDS)</td><td>SMEWW 2540 C</td><td>mg/L</td><td>1000</td><td>92</td><td>93</td><td>93</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Clo dư tự do(*)</td><td>TCVN 6225-2:2012</td><td>mg/L</td><td>Trong khoảng (0,2 – 1,0)</td><td>0,6</td><td>0,4</td><td>0,4</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Độ đục(*)</td><td>SMEWW 2130.B:2023</td><td>NTU</td><td>2</td><td>0,31</td><td>0,32</td><td>0,33</td></tr> <tr> <td>7</td><td>Chỉ số pecmanganat</td><td>TCVN 6186:1996</td><td>mg/L</td><td>2</td><td>0,16</td><td>0,16</td><td>0,16</td></tr> </table>							TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			KM12.2.2	KM12.2.3	KM12.2.4	1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1	2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng (6,0 – 8,5)	7,43	7,43	7,43	4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	92	93	93	5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng (0,2 – 1,0)	0,6	0,4	0,4	6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,31	0,32	0,33	7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result																																																																					
					KM12.2.2	KM12.2.3	KM12.2.4																																																																			
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1																																																																			
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo																																																																			
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng (6,0 – 8,5)	7,43	7,43	7,43																																																																			
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	92	93	93																																																																			
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng (0,2 – 1,0)	0,6	0,4	0,4																																																																			
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,31	0,32	0,33																																																																			
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16																																																																			

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					KM12.2.2	KM12.2.3	KM12.2.4
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,05	0,05
9	Chloride (Cl^-)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3^{(*)}$	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,012	0,012	0,012
12	Sắt (Ferrum) ($\text{Fe}^{(*)}$)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,5	1,5	1,5
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,005	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Đào Vũ Phương Dung

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

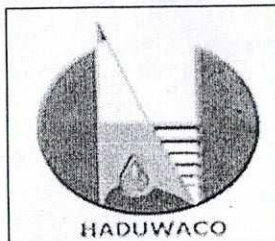
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ *Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 3- trạm Ninh Giang						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	NG12.2.2: Nước bể chứa Trạm Ninh Giang NG12.2.3: Thôn 1, xã Ninh Giang, Tp Hải Phòng NG12.2.4: Quang Rực, xã Khúc Thừa Dụ, tp Hải Phòng						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Hoàng Thị Vân						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025 ÷ 27/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG12.2.2	NG12.2.3	NG12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	2
2	Mùi (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	7,43	7,44	7,45

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



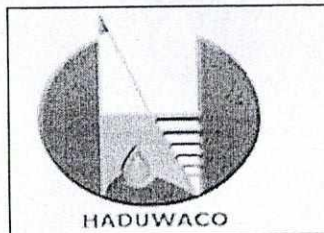
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG12.2.2	NG12.2.3	NG12.2.3
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	86,3	93,2	87,4
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,6	0,4	0,3
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,38	0,40	0,36
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,012	0,012	0,012
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,006	0,006
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	9	9	9

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG12.2.2	NG12.2.3	NG12.2.4
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

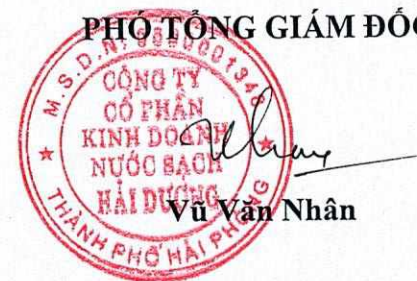
NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đạt Khởi

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

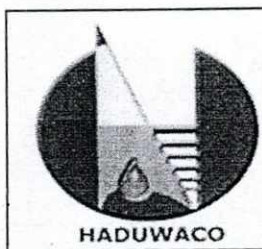
Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No:12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Trạm Đồng Lạc - Chi nhánh số 4					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	ĐL12.2.2: Nước bể chứa Trạm Đồng Lạc; ĐL11.2.3: Nước vòi hộ dân KDC Mạc Ngạn, P. Lê Đại Hành.					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025.					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 26/12/2025.					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					ĐL12.2.2	ĐL12.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,47	7,54
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	118	121
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60	0,50
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,22	0,26
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,80	0,80
8	Amoni(NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,03	0,03
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,018	0,020
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					ĐL12.2.2	ĐL12.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,7	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,006
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	13	15
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.8136.8136



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No:12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Nhà máy nước sạch Văn An, P.Chu Văn An				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VA12.1.2: Nước bể chứa nhà máy nước sạch Văn An				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025.				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh số 4 lấy và gửi mẫu về.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 26/12/2025.				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					VA12.1.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,35
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	112
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,70
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,20
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,64
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,007
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,03

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					VA12.1.2
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	13
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Trạm Phả Lại - Chi nhánh số 4					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PL12.2.2: Nước bể chứa Trạm Phả Lại PL12.2.3: Nước vòi hộ dân KDC Đặng Tính, P.Chí Linh .					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025.					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh số 4 lấy và gửi mẫu về.					
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 26/12/2025.					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					PL12.2.2	PL12.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2	2
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,42	7,45
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	118	115
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,30	0,30
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,35	0,38
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,80	0,80
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,10	0,11
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,03	0,05
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,03	0,03

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					PL12.2.2	PL12.2.3
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,4
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,007
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	14	15
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	100	100
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 - Dấu (-) là không có đơn vị tính.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

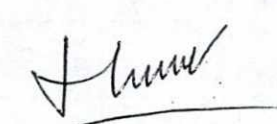
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT



Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No:12.2025

1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Nước sạch, Trạm Hoàng Tân - Chi nhánh số 4					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ <i>Name/Address of customer</i>	HT12.2.2: Nước vòi trạm Hoàng Tân HT12.2.3: Nước vòi hộ dân KDC Bát Giáo, P.Trần Nhân Tông.					
3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i>	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i>	23/12/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i>	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ <i>Testing staff</i>	Trần Phương Thảo.					
7. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing time</i>	23/12/2025 ÷ 26/12/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>						
TT No	Tên chỉ tiêu <i>Parameters</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả <i>Result</i>	
					HT12.2.2	HT12.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,30	7,37
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	112
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225- 2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,20	0,20
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,13	0,18
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,64	0,64
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,12	0,14
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,010	0,009
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					HT12.2.2	HT12.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	15	14
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	100	100
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No:12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Trạm Sao Đỏ - Chi nhánh số 4						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	SD12.2.2: Nước bể chứa Trạm Sao Đỏ (26, Tôn Đức Thắng, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng); SD12.2.3: Nước vòi hộ dân: 169, Thái Học1, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng; SD12.2.4: Nước vòi hộ dân:KDC Bích Nham,Văn Đức, P. Trần Nhân Tông, TP Hải Phòng.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 26/12/2025.						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCVN 01- 1:2024/BYT Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					SD12.2.2	SD12.2.3	SD12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	3
2	Mùi,vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,30	7,28	7,25

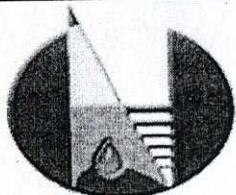
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					SĐ12.2.2	SĐ12.2.3	SĐ12.2.4
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	114	114
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,30	0,40	0,30
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,22	0,24	0,80
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,80	0,80	0,80
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,09
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	104	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,012	0,016	0,017
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,4	1,5	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,005	0,005
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	13	14	16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



HADUWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					SĐ12.2.2	SĐ12.2.3	SĐ12.2.4
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	100	100	100
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Tp Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 5							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	OZ12.2.2.2: Bể chứa chi nhánh KDNS số 5 OZ12.2.3.4: Mẫu nước vòi hộ dân 2/1 Thắng Lợi, phường Tân Hưng. OZ12.2.3.5: Mẫu nước vòi hộ dân 5/30 Việt Hoà, phường Việt Hoà. OZ12.2.3.6: Mẫu nước vòi hộ dân 16/84 Đức Minh, phường Lê Thanh Nghị .							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷31/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					OZ12.2.2.2	OZ12.2.3.4	OZ12.2.3.5	OZ12.2.3.6
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	2	2	2
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

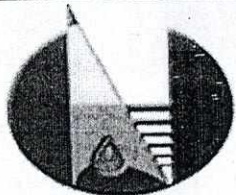
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Tp Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					OZ12.2.2.2	OZ12.2.3.4	OZ12.2.3.5	OZ12.2.3.6
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	7,48	7,51	7,53	7,50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	108	110	109	108
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	0,8	0,4	0,5	0,4
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,32	0,36	0,38	0,35
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06	0,06
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,010	0,010	0,010	0,010
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,8	1,8	1,8

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



HADUWACO

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Tp Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					OZ12.2.2.2	OZ12.2.3.4	OZ12.2.3.5	OZ12.2.3.6
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,007	0,007	0,007	0,007
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	10	10	10	10
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	95	95	95	95
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Tp Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

NGƯỜI LẬP

Anh

Bùi Thị Hoài Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 - Trạm Hoàng Diệu					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ <i>Name/Address of customer</i>	HH12.2.2: Nước bể chứa Trạm Hoàng Diệu HH12.2.3: Nước vòi hộ dân thôn Quán Trắm, xã Gia Phúc.					
3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i>	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i>	22/12/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i>	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ <i>Testing staff</i>	Nguyễn Thị Mai Anh					
7. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing time</i>	22/12/2025÷26/12/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>						
TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Parameters</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả <i>Result</i>	
					HH 12.2.2	HH 12.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,46	7,54
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	115	114
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,40	0,30
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,30	0,31
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,04	0,05
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	102	102
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,027	0,034
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					HH 12.2.2	HH 12.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,1	1,2
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	16	17
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	95	95
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 - Trạm Tứ Kỳ					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TK12.2.2: Nước bể chứa Trạm Tứ Kỳ TK12.2.3: Nước vòi hộ dân thôn Kim Xuyên, xã Chí Minh.					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu .					
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷26/12/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					TK 12.2.2	TK 12.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,38	7,39
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	115
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60	0,60
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,30	0,32
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,04	0,04
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	102	102
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,027	0,028
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					TK 12.2.2	TK 12.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,4	1,4
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	16	17
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.266



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng (Tứ Kỳ)				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PH12.1.2: Nước bể chứa trạm Chí Minh.				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật Công ty cấp nước Phúc Hưng lấy và gửi mẫu về.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷26/12/2025				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result PH 12.1.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,49
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	113
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,50
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2017	NTU	2	0,15
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,04
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,025
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					PH 12.1.2
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	16
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	95
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú:

- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 – Trạm Thạch Khôi						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	THK12.2.2: Nước bể chứa trạm Thạch Khôi THK12.2.3: Mẫu nước vòi hộ dân thôn Hội Xuyên, xã Gia Lộc. THK12.2.4: Mẫu nước vòi hộ dân cụm công nghiệp Thạch Khôi, phường Thạch Khôi.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷26/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					THK12.2.2	THK12.2.3	THK12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,51	7,50	7,51

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					THK12.2.2	THK12.2.3	THK12.2.4
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	112	115	115
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,40	0,30	0,40
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,24	0,29	0,25
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,028	0,029	0,029
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	0,8	1,0	0,8
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,005

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	15	15	15
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100 mL	<3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100 mL	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

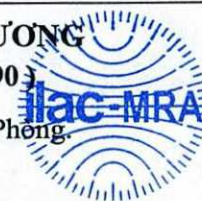
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 7						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TH12.2.2: Nước bể chứa Trạm Thanh Hà TH12.2.3: Nước vòi hộ dân ở thôn 5 – xã Thanh Hà TH12.2.4: Nước vòi hộ dân ở khu 9 – xã Thanh Hà						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	23/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Đào Vũ Phương Dung						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	23/12/2025 ÷ 25/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					TH12.2.2	TH12.2.3	TH12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0–8,5	7,27	7,23	7,25
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	117	108	105
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,70	0,35	0,40
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,17	0,24	0,20
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BM 12.01

TEST REPORT

Số/No: 12.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					TH12.2.2	TH12.2.3	TH12.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,08	0,07
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,026	0,029	0,027
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,9	1,8
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,007	0,009	0,007
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	13	13	13
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01 :2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Trần Phương Thảo

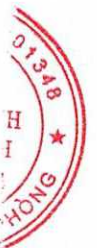
PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ *Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 8						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	MT12.2.2: Nước bể chứa trạm Minh Tân. MT12.2.3: Nước vòi KDC Thượng Chiểu, Tân Dân, phường Nhị Chiểu. MT12.2.4: Nước KDC Hạ Chiểu, Tân Dân, phường Nhị Chiểu.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/12/2025 ÷ 19/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					MT12.2.2	MT12.2.3	MT12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0–8,5	7,43	7,45	7,46
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	82	83	83
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,5	0,3	0,3
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,19	0,21	0,21
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BM 12.01

TEST REPORT

Số/No: 12.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					MT12.2.2	MT12.2.3	MT12.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,04	0,04	0,04
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,012	0,012	0,012
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,05	0,05	0,05
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,005	0,005
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	10	10	10
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Đào Vũ Phương Dung

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ *Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng,
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 9- trạm Thanh Miện							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TM12.2.2: Nước bể chứa trạm Thanh Miện. TM12.2.3: Phú Mỹ, xã Thanh Miện, Tp Hải Phòng TM12.2.4: Bể chứa Tăng Áp TM12.2.5: Nguồn cấp cho Cty TNHH MTV nước sạch Hưng Đạo							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Đào Vũ Phương Dung							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷27/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM12.2.2	TM12.2.3	TM12.2.4	TM12.2.5
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	0
2	Mùi(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,51	7,53	7,54	7,52



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM12.2.2	TM12.2.3	TM12.2.4	TM12.2.5
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	95	101	102	102
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,7	0,6	0,5	0,5
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,45	0,48	0,49	0,45
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06	0,06
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,010	0,010	0,010	0,010
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,006	0,006	0,006
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	10	10	10	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM12.2.2	TM12.2.3	TM12.2.4	TM12.2.5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	100	100	100	100
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	MPN/10 0mL	< 3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD– Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đạt Khởi

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 10 - Trạm Cẩm Giàng							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	CG12.2.2.1: Bể chứa Cẩm Giàng CG12.2.2.2: Bể chứa Kim Giang CG12.2.3.1: Mẫu mạng KCN VISIP CG12.2.3.2: Mẫu mạng Xã MAO ĐIỀN							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷31/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG12.2.2.1	CG12.2.2.2	CG12.2.3.1	CG12.2.3.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG12.2.2.1	CG12.2.2.2	CG12.2.3.1	CG12.2.3.2
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,51	7,48	7,50	7,52
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	132	134	133	132
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,6	0,6	0,4	0,3
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,37	0,34	0,43	0,46
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06	0,06
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	94	94	94	94
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,01	0,01	0,01	0,01
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6	1,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

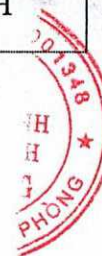


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG12.2.2.1	CG12.2.2.2	CG12.2.3.1	CG12.2.3.2
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004	0,004
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7	7	7
16 7	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 Dấu (-) là không có đơn vị tính;
 Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 10 - Trạm Bình Giang							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	BG12.2.2: Bể chứa Vĩnh Hồng BG12.2.3.1: Mẫu mạng Xã Bình Giang BG12.2.3.2: Mẫu mạng Xã Đường An BG12.2.3.3: Mẫu mạng Xã Kê Sặt							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	22/12/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh số 10							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	22/12/2025÷31/12/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG12.2.2	BG12.2.3.1	BG12.2.3.2	BG12.2.3.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG12.2.2	BG12.2.3.1	BG12.2.3.2	BG12.2.3.3
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,50	7,51	7,54	7,53
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	134	133	134	134
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,5	0,2	0,2	0,2
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,41	0,46	0,48	0,45
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,06	0,06	0,06
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	94	94	94	94
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,01	0,02	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,6	1,6	1,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG12.2.2	BG12.2.3.1	BG12.2.3.2	BG12.2.3.3
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7	7	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 12.2025

1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Nước sạch chi nhánh KDNS số 11- trạm Nam Sách.						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ <i>Name/Address of customer</i>	NS12.2.2: Nước bể chứa Trạm Nam Sách. NS12.2.3: Nước vòi hộ dân thôn Thụy Trà, xã Trần Phú, TP. Hải Phòng. NS12.2.4: Nước vòi hộ dân thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, TP. Hải Phòng.						
3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i>	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i>	23/12/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i>	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/ <i>Testing staff</i>	Nguyễn Thị Mai Anh						
7. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing time</i>	23/12/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>							
TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Parameters</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả <i>Result</i>		
					NS12.2.2	NS12.2.3	NS12.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng (6,0 – 8,5)	7,41	7,46	7,52
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	106,3	105,1	104
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng (0,2 – 1,0)	0,4	0,5	0,5
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,21	0,28	0,36
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH385 Method	mg/L	0,3	0,07	0,07	0,07

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/*The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/*Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NS12.2.2	NS12.2.3	NS12.2.4
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,016	0,013	0,015
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,5	1,6	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,007	0,007	0,007
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	10	10	10
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	90	90	90
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 12.2025

Ghi chú:

- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh An

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

